TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 20/9/2018.
V/v: *"tranh chấp ly hôn".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Vân Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Hải Long

2. Ông Trương Minh Thọ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hương – Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông K'Mích – Kiểm sát viên.

Ngày 20/9/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ L số 462/2018/TLST-HNGĐ ngày 13/7/2018 về "*tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 04/9/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Thiên L, sinh năm 1992

Trú tại: Yổ N, phường M, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt tại phiên tòa.

Người bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bà L: Luật sư Nguyễn Thị Hạnh, Văn phòng luật sư Thành Phát – Đoàn luật sư tỉnh Lâm Đồng.

Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn H, sinh năm 1990

Trú tại: Phòng N, Chung cư M, phường H, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, nguyên đơn bà Bùi Thị Thiên L và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn H lấy nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 20/8/2015, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng tháng 6 năm 2016 ông H thường xuyên cờ bạc, cầm cố tài sản để sử dụng ma túy, từ đó trong gia đình thường xuyên xảy ra cãi vã, xung đột, xúc phạm lẫn nhau dẫn đến mâu thuẫn. Vợ chồng và gia đình đã nhiều lần hòa giải mâu thuẫn nhưng ông H vẫn chứng nào tật đó, không sửa đổi, mâu thuẫn trong gia đình ngày càng trầm trọng nên bà và ông H đã sống ly thân gần 02 năm. Bà xác định cuộc sống chung không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn nên yêu cầu Tòa giải quyết ly hôn với ông Nguyễn H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Khánh H, sinh ngày 19/01/2016. Hiện nay con chung đang sống cùng với bà, khi ly hôn bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Theo bản tự khai ông Nguyễn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Bùi Thị Thiên L lấy nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đà Loan, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 20/8/2015, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hiểu nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã. Nay, theo yêu cầu xin ly hôn của bà L thì ông cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Khánh H, sinh ngày 19/01/2016. Khi giải quyết ly hôn thì ông đồng ý giao con chung cho

bà L nuôi dưỡng trong thời gian ông đang cai nghiện.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, bà Bùi Thị Thiên L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Nguyễn H có đơn xin vắng mặt tại các buổi hòa giải, công khai chứng cứ và xét xử nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà L trình bày: Thực tế giữa bà L và ông H không còn chung sống với nhau, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị cho bà L và ông H được ly hôn. Hiện nay con chung Nguyễn Ngọc Khánh H đang do bà L trực tiếp nuôi dưỡng nên đề nghị để bà L tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Tòa án xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, nguyên đơn, bị đơn và thu thập chứng cứ theo đúng quy định tại các Điều 28, 35, 68, 96 và 97 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 và 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa bà Bùi Thị Thiên L và ông Nguyễn H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L, xử cho bà L và ông H được ly hôn, giao con chung Nguyễn Ngọc Khánh H, sinh ngày 19/01/2016 cho bà L trực tiếp nuôi cho đến khi trưởng thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc*"tranh chấp ly hôn"* giữa nguyên đơn bà Bùi Thị Thiên L với bị đơn ông Nguyễn H theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn H đã có bản tự khai, đã được triệu tập hợp lệ và có đơn xin vắng mặt tại các buổi hòa giải và xét xử tại tòa án nên căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông H là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống giữa bà L và ông H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau, hiện nay không còn chung sống với nhau, hai bên đã hòa giải nhiều lần nhưng vẫn không hàn gắn được và ông H cũng đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thuỷ, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng giữa bà Bùi Thị Thiên L và ông Nguyễn H mâu thuẫn đã trầm trọng, không còn sự quan tâm và chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của bà L được ly hôn với ông H là phù hợp và đúng pháp luật.

Về con chung: Bà L và ông H có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Khánh H, sinh ngày 19/01/201, bà L có nguyện vọng được nuôi con chung cho đến tuổi trưởng thành. Xét thấy, hiện nay con chung còn nhỏ, đang có cuộc sống ổn định với bà L, hiện nay ông H đang cai nghiện tập trung tại Cơ sơ cai nghiện ma túy. Vì vậy, cần giao con chung Nguyễn Ngọc Khánh H cho bà Bùi Thị Thiên L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Bà L không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có

Về án phí: Buộc bà Bùi Thị Thiên L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 và Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu của bà Bùi Thị Thiên L được ly hôn với ông Nguyễn H.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Ngọc Khánh H, sinh ngày 19/01/2016 cho bà Bùi Thị Thiên L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu H đến tuổi trưởng thành.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. *Về án phí:* Bà Bùi Thị Thiên L phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0008276 ngày 13/7/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Bà Bùi Thị Thiên L có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm, ông Nguyễn H vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS thành phố Đà Lạt;
- THADS thành phố Đà Lạt;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- UBND xã M,
huyện Đức Trọng
- Lưu AV, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Vân Hồng